

Bản án số: 03/2022/HSST
Ngày: 25-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn
2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắc Mil.

Đại diện VKSND huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắc Mil mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/202/TLST-HS ngày 27/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXXST-HS ngày 25/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/HSST-QĐ ngày 07/3/2022, đối với:

Bị cáo **Lê Quang N** (*Có mặt*), sinh năm 1986; tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: số A ấp B, xã P, huyện B, Thành phố H; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quang V, sinh năm 1946, trú tại: xã P, huyện B, Thành phố H và bà C (đã chết); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 21/8/2007, bị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 133 và 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999; tổng hợp hình phạt là 08 năm tù. Ngày 04/12/2014, chấp hành xong hình phạt trở về sinh sống tại xã P, huyện B, Thành phố H; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắc Mil.

Những người bị hại:

1. Bà Phan Thị X (*Có mặt*), sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện K, tỉnh Đ.

2. Bà Châu Thị T (*Vắng mặt*), sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đ

3. Chị Cao Thị Như T (*Có mặt*), sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

4. Chị Trần Thị T (*Vắng mặt*), sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ

5. Chị Nguyễn Thị Thu H (*Vắng mặt*), sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

6. Ông Phạm H (*Vắng mặt*), sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

7. Ông Nguyễn Thanh B (*Vắng mặt*), sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ B, phường N, thành phố G, tỉnh Đ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn P (*Vắng mặt*), sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, Lê Quang N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách đặt làm con dấu vuông bằng nhựa, khắc chữ “ĐÃ THU TIỀN” ở Thành phố Hồ Chí Minh rồi đến các điểm giao dịch của Ngân hàng N lấy các cặp giấy nộp tiền, đóng dấu đã thu tiền vào tờ liên 2, sau đó tìm những người buôn bán cây giống, người có nhu cầu bán đất để thỏa thuận giá cả mua bán, giả đặt cọc tiền bằng cách viết vào giấy nộp tiền đã chuẩn bị từ trước đưa cho các bị hại để làm tin rồi dùng các lý do khác nhau hỏi mượn lại một số tiền, sau đó bỏ trốn và chiếm đoạt. Với thủ đoạn trên, Lê Quang N đã thực hiện 07 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

*** Vụ thứ 1:** Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 13/01/2021, Lê Quang N đến vườn ươm cây giống của ông Nguyễn Thanh B (sinh năm 1955) tại tổ A, phường N, Thành phố G, tỉnh Đ, giới thiệu tên là “Châu”, đặt mua cây cảnh với giá 60.000.000 đồng, thanh toán bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của ông B. Sau khi ông B cung cấp số tài khoản, N đi đến địa điểm gần đó viết nội dung chuyển 60.000.000 đồng vào giấy nộp tiền của Ngân hàng N, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 rồi quay lại đưa cho ông B. Sau đó, N nói cần tiền sửa xe nên hỏi mượn ông B 8.000.000 đồng thì ông B đồng ý đưa cho

N mượn 8.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Lê Quang N đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

*** Vụ thứ 2:** Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 20/02/2021, Lê Quang N đến vườn ươm cây giống của chị Cao Thị Như T (sinh năm 1984), tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ đặt mua cây sầu riêng giống với số tiền 200.000.000 đồng và thỏa thuận đặt cọc trước 100.000.000 đồng bằng cách nộp tiền vào tài khoản. Sau khi chị T cung cấp số tài khoản, N đến quán cà phê gần đó viết nội dung chuyển 100.000.000 đồng vào giấy nộp tiền của Ngân hàng N, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 rồi quay lại đưa giấy nộp tiền cho chị T và nói đã chuyển tiền đặt cọc. Sau đó, N nói cần tiền mua ống nước nhưng quên mang tiền và hỏi chị T mượn 5.500.000 đồng thì chị T đồng ý đưa cho N mượn 5.500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Lê Quang N đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

*** Vụ thứ 3:** Ngày 29/8/2021, Lê Quang N đi đến khu vực xã Đ, huyện Đ, thấy ông Phạm H (sinh năm 1958, trú tại thôn H, xã Đ, huyện Đ) có treo biển bán đất nên N tự giới thiệu là Trần Quang N và thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H với giá 2.100.000.000 đồng thì được ông H đồng ý. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/8/2021, N gọi điện thoại cho ông H nói sẽ chuyển khoản 200.000.000 đồng để đặt cọc. Sau khi ông H cung cấp số tài khoản, N viết nội dung chuyển vào tài khoản của ông H 200.000.000 đồng vào giấy nộp tiền của Ngân hàng N, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 rồi mang đến đưa cho ông H. Sau đó, N nói cần tiền để giải quyết công việc cá nhân nhưng quên mang theo và hỏi ông H mượn 3.200.000 đồng thì ông H đồng ý đưa cho N mượn 3.200.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Lê Quang N đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

*** Vụ thứ 4:** Vào ngày 15/9/2021, Lê Quang N đến nhà bà Châu Thị T (sinh năm 1958) tại thôn P, xã Q, huyện K và tự giới thiệu tên H, là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đ đang chờ bắt xe vận chuyển cát lậu. Sau khi nói chuyện với bà T, biết bà T đang có tranh chấp đất đai, N đưa ra thông tin là với chức vụ của mình N có thể giúp được bà T trong việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất rồi hứa hẹn sẽ giúp bà T. Sau đó, N nói cần tiền mua gỗ biếu cấp trên ở khu vực xã Q nhưng quên mang theo tiền nên hỏi bà T mượn 4.000.000 đồng thì bà T đồng ý đưa cho N mượn 4.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Lê Quang N đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

*** Vụ thứ 5:** Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 24/9/2021, N đến nhà chị Phan Thị X (sinh năm 1970), tại thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ, tự giới thiệu là Nguyễn Minh C và thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị X với giá 1.200.000.000 đồng, đặt cọc 1.000.000.000 đồng. Sau khi chị X cung

cấp số tài khoản, N đi đến địa điểm gần đó viết nội dung chuyển vào tài khoản của chị X 1.000.000.000 đồng vào giấy nộp tiền của Ngân hàng N, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 rồi quay lại đưa cho chị X. Sau đó, N nói cần tiền để mua các dụng cụ làm rẫy nhưng quên mang tiền nên hỏi chị X mượn 8.000.000 đồng thì chị X đồng ý đưa cho N mượn 8.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Lê Quang N đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

* **Vụ thứ 6:** Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/9/2021, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate, biển kiểm soát 54N2-4106 đến vừa cây giống của chị Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1995) tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tự giới thiệu là Nguyễn Huy H, thoả thuận mua 2.100 cây sầu riêng giống với số tiền là 159.600.000 đồng và đặt cọc 100.000.000 đồng. Sau khi chị H cung cấp số tài khoản, N đi ra ngoài viết nội dung nộp 100.000.000 đồng vào giấy nộp tiền của Ngân hàng N, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 rồi quay lại đưa cho chị H. Sau đó, N nói cần tiền gấp để trả tiền xe cho tài xế nên hỏi chị H mượn 6.200.000 đồng thì chị H đồng ý. N đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Văn P (sinh năm 1983) tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ hỏi mua điện thoại và mượn số tài khoản để chuyển tiền. Sau khi được anh P cung cấp số tài khoản, N quay lại đưa số tài khoản của anh P cho chị H, chị H dùng phần mềm Internet Banking chuyển 6.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của anh P. Sau khi nhận được tiền, N đã chiếm đoạt sử dụng để mua 01 điện thoại di động Nn hiệu Samsung Galaxy A03s, 01 micro màu vàng rồi bỏ trốn.

* **Vụ thứ 7:** Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 05/10/2021, Lê Quang N đi ngang qua nhà chị Trần Thị T (sinh năm 1980) tại thôn T, xã T, huyện Đ thấy có treo biển bán đất nên N tự giới thiệu là Nguyễn Minh C, thoả thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 2.000.000.000 đồng và đặt cọc 1.000.000.000 đồng bằng cách nộp tiền vào tài khoản cho chị T. Sau khi chị T cung cấp số tài khoản, N đi đến một địa điểm vắng, viết nội dung chuyển 1.000.000.000 đồng vào giấy nộp tiền của Ngân hàng N, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 rồi quay lại đưa cho chị T. Sau đó, N nói cần tiền để lấy hàng nhưng quên không rút tiền nên hỏi chị T mượn 3.200.000 đồng thì chị T đồng ý đưa cho N 3.200.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Lê Quang N đã chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 giấy nộp tiền liên 2 của Ngân hàng N có nội dung: “ngày 30/8/2021, chi nhánh Đ, khách hàng nộp tiền: Trần Quang N, khách hàng nhận tiền: Phạm Khánh An H, số tài khoản 6110205186429 tại ngân hàng N CN B, Thành phố H số tiền 200.000.000 đồng, nội dung: chuyển tiền đặt cọc mua đất”.

+ 01 giấy nộp tiền liên 2 của Ngân hàng N có nội dung: “ngày 30/9/2021, chi nhánh Đ, khách hàng nộp tiền: Nguyễn Huy H, khách hàng nhận tiền: Nguyễn Thị Thu H, số tài khoản 63510000952162 tại ngân hàng B CN Đ, số tiền 100.000.000 đồng, nội dung: chuyển tiền cây giống sầu riêng”.

+ 01 giấy nộp tiền liên 2 của ngân hàng N có nội dung: “ngày 05/10/2021, chi nhánh Đ, khách hàng nộp tiền: Nguyễn Minh C, khách hàng nhận tiền: Trần Thị T, số tài khoản 5305215010230 tại ngân hàng N CN Đ, số tiền 1.000.000.000 đồng, nội dung: chuyển tiền đặt cọc mua đất”.

+ 01 giấy nộp tiền liên 2 của Ngân hàng N có nội dung: “ngày 24/9/2021, chi nhánh Đ, khách hàng nộp tiền: Nguyễn Minh C, khách hàng nhận tiền: Phan Thị X, số tài khoản 5305205037461 tại ngân hàng N, số tiền 1.000.000.000 đồng, nội dung: chuyển tiền mua đất”.

+ 01 giấy nộp tiền liên 2 của ngân hàng N có nội dung: “ngày 07/10/2021, chi nhánh C, khách hàng nộp tiền: Nguyễn Minh C, khách hàng nhận tiền: Nguyễn Thị Q, số tài khoản 050128130540, số tiền 100.000.000 đồng.”

+ 01 giấy nộp tiền liên 2 của Ngân hàng N có nội dung: “ngày 23/9/2021, chi nhánh Q, khách hàng nộp tiền: Lê Quang N, khách hàng nhận tiền: Nguyễn Lương B, số tài khoản 6351000261675, số tiền 10.000.000 đồng.”

+ 01 giấy uỷ nhiệm chi tiền liên 2 của ngân hàng N có nội dung: “chi nhánh Đ, giao dịch ngày 22/9/2021, khách hàng trả tiền: Lê Quang N, số tài khoản 5304205229348, số tiền 11.000 đồng.”

+ 03 cặp giấy nộp tiền của Ngân hàng N chưa ghi nội dung.

+ 01 con dấu in hình chữ “ĐÃ THU TIỀN”, mực màu đỏ.

+ 01 bút bi Nn hiệu TL 079, mực xanh.

+ 01 điện thoại Nn hiệu Samsung Galaxy A03s.

+ 01 điện thoại di động Nn hiệu Nokia 7.2.

+ 01 micro màu vàng.

+ 172.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate biển kiểm soát 54N2 – 4106.

+ 01 ví da màu đen;

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng N số 9704050963190397 mang tên Lê Quang N.

+ 01 thẻ ATM ngân hàng TMCP A số 9704162460960436 mang tên Lê Quang N.

+ 01 căn cước công dân số 070086000147 mang tên Lê Quang N.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố bị cáo Lê Quang N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của những người bị hại (với tổng số tiền là 39.100.000 đồng). Bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì, khi được nói lời sau cùng đã đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của những người bị hại: tại phiên tòa chị Phan Thị X yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.000.000 đồng (gồm: 8.000.000 đồng chị đã đưa cho bị cáo và 1.000.000 đồng tiền lãi, tiền tổn thất tinh thần), chị Cao Thị Như T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.500.000 đồng. Đối với những người bị hại khác yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích tính chất vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như các tình tiết T nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Quang N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Quang N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang N mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2021.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 ví da màu đen; 01 thẻ ATM ngân hàng N số 9704050963190397; 01 thẻ ATM ngân hàng TMCP A số 9704162460960436 và 01 căn cước công dân đều mang tên Lê Quang N do không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Tịch thu, tiêu huỷ 01 bút bi Nn hiệu TL 079, mực xanh; 01 con dấu bằng nhựa in hình chữ “ĐÃ THU TIỀN” do không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Nn hiệu Samsung Galaxy A03s; 01 micro màu vàng do bị cáo dùng tiền do phạm tội mà có để mua.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nn hiệu Nokia 7.2 do bị can dùng vào việc phạm tội.

+ Tiếp tục tạm giữ 172.000 đồng để bảo bảo cho việc thi hành án.

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate biển kiểm soát 54N2 – 4106 do chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tiếp tục truy tìm, xác minh chủ sở hữu hợp pháp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015 để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 06 giấy nộp tiền đã qua sử dụng, 03 cặp giấy nộp tiền chưa qua sử dụng được lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 6.200.000 đồng; bồi thường cho chị Cao Thị Như T số tiền 5.500.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 3.200.000 đồng; bồi thường cho bà Phan Thị X số tiền 9.000.000 đồng; bồi thường cho ông Phạm H số tiền 3.200.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Thanh B số tiền 8.000.000 đồng; bồi thường cho bà Châu Thị T 4.000.000 đồng. Tổng số tiền phải bồi thường là 39.100.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Văn P, do không biết bị cáo dùng tài khoản ngân hàng của mình để nhận tiền do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với việc bị cáo viết giấy nộp tiền liên 2 của Ngân hàng N có nội dung: “ngày 07/10/2021, chi nhánh C, khách hàng nộp tiền: Nguyễn Minh C, khách hàng nhận tiền: Nguyễn Thị Q, số tài khoản 050128130540, số tiền 100.000.000 đồng.” và giấy nộp tiền liên 2 của Ngân hàng N có nội dung: “ngày 23/9/2021, chi nhánh Q, khách hàng nộp tiền: Lê Quang N, khách hàng nhận tiền: Nguyễn Lương B, số tài khoản 6351000261675, số tiền 10.000.000 đồng.”, quá trình điều tra xác định bị cáo chưa sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo; lời khai

của người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang N cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện cơ bản đúng như diễn biến sự việc theo bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ tại hiện trường, các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[3]Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian từ ngày 13/01/2021 đến ngày 05/10/2021, tại địa bàn tỉnh Đắk Nông, bị cáo Lê Quang N có hành vi gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật bằng cách tìm các vựa cây giống, các chủ đất cấm biển bán đất, rồi thoả thuận giá mua cây giống, mua đất, đặt cọc và dùng các cặp giấy nộp tiền của Ngân hàng N viết nội dung nộp tiền đặt cọc, đóng dấu “ĐÃ NỘP TIỀN” vào liên 2 đưa cho các bị hại, sau đó hỏi mượn lại một khoản tiền, rồi bỏ trốn và chiếm đoạt tiền của những người bị hại, cụ thể (07 vụ):

- **Vụ thứ 1:** Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 13/01/2021, tại tổ A, phường N, TP.G, tỉnh Đ, Lê Quang N dùng thủ đoạn gian dối bằng cách thoả thuận mua cây cảnh, rồi viết nội dung đặt cọc vào giấy nộp tiền, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 và đưa cho ông Nguyễn Thanh B. Sau đó, Lê Quang N mượn 8.000.000 đồng của ông Nguyễn Thanh B rồi chiếm đoạt.

- **Vụ thứ 2:** Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 20/02/2021, tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đg, Lê Quang N dùng thủ đoạn gian dối bằng cách thoả thuận mua cây sầu riêng giống, rồi viết nội dung đặt cọc vào giấy nộp tiền, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 và đưa cho chị Cao Thị Như T. Sau đó, Lê Quang N mượn 5.500.000 đồng của chị Cao Thị Như T rồi chiếm đoạt.

- **Vụ thứ 3:** Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/8/2021, tại thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, Lê Quang N dùng thủ đoạn gian dối bằng cách thoả thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, rồi viết nội dung đặt cọc vào giấy nộp tiền,

đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 và đưa cho ông Phạm H. Sau đó, Lê Quang N mượn 3.200.000 đồng của ông Phạm H rồi chiếm đoạt.

- **Vụ thứ 4:** Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 15/9/2021, tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đ, Lê Quang N dùng thủ đoạn gian dối bằng cách hứa hẹn sẽ giúp bà Châu Thị T trong việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất. Sau đó, Lê Quang N mượn 4.000.000 đồng của bà Châu Thị T rồi chiếm đoạt.

- **Vụ thứ 5:** Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 24/9/2021, tại thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ, Lê Quang N dùng thủ đoạn gian dối bằng cách thoả thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, rồi viết nội dung đặt cọc vào giấy nộp tiền, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 và đưa cho chị Phạm Thị X. Sau đó, Lê Quang N mượn 8.000.000 đồng của chị Phạm Thị X rồi chiếm đoạt.

- **Vụ thứ 6:** Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/9/2021, tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, Lê Quang N dùng thủ đoạn gian dối bằng cách thoả thuận mua cây sầu riêng giống, rồi viết nội dung đặt cọc vào giấy nộp tiền, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 và đưa cho chị Nguyễn Thị Thu H. Sau đó, Lê Quang N mượn 6.200.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu H rồi chiếm đoạt.

- **Vụ thứ 7:** Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 05/10/2021, tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ, Lê Quang N dùng thủ đoạn gian dối bằng cách thoả thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, rồi viết nội dung đặt cọc vào giấy nộp tiền, đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN” vào liên 2 và đưa cho chị Trần Thị T. Sau đó, Lê Quang N mượn 3.200.000 đồng của chị Trần Thị T rồi chiếm đoạt.

Tổng cộng, bị cáo Lê Quang N đã chiếm đoạt của 07 bị hại với tổng số tiền là 38.100.000 đồng.

Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Trong thời gian từ ngày 13/01/2021 đến ngày 05/10/2021 bị cáo đã 7 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền chiếm đoạt là 38.100.000 đồng, số tiền chiếm đoạt bị cáo dùng để tiêu xài cá nhân, mua điện thoại... Việc bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần nhưng trong một thời gian dài và trong thời gian này bị cáo vẫn làm nghề mộc, có thu nhập, không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên không thuộc trường hợp phạm tội có tính chuyên nghiệp. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”

[4]Hành vi mà bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi này đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, hành vi này đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do đó cũng cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

[5]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Từ ngày 13/01/2021 đến 05/10/2021, bị cáo đã 7 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tiền, với tổng số tiền chiếm đoạt là 38.100.000 đồng và các lần chiếm đoạt tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6]Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7]Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 21/8/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản theo khoản 2 Điều 133 và 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt chung là 08 năm tù. Ngày 04/12/2014, chấp hành xong hình phạt trở về sinh sống tại xã P, huyện B, TP.H (Bị cáo đã được xóa án tích).

[8]Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[9]Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người bị hại yêu cầu bị cáo Lê Quang N phải bồi thường cho người bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang N đồng ý bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 6.200.000 đồng; bồi thường cho chị Cao Thị Như T số tiền 5.500.000 đồng; bồi thường

cho chị Trần Thị T số tiền 3.200.000 đồng; bồi thường cho bà Phan Thị X số tiền 9.000.000 đồng; bồi thường cho ông Phạm H số tiền 3.200.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Thanh B số tiền 8.000.000 đồng; bồi thường cho bà Châu Thị T 4.000.000 là phù hợp. Bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền là 39.100.000 đồng.

[10] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự :

- + Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 ví da màu đen; 01 thẻ ATM Ngân hàng N số 9704050963190397; 01 thẻ ATM ngân hàng TMCP A số 9704162460960436 và 01 căn cước công dân đều mang tên Lê Quang N do không liên quan đến hành vi phạm tội là phù hợp nên cần chấp nhận.

- + Cần tịch thu, tiêu huỷ 01 bút bi Nn hiệu TL 079, mực xanh; 01 con dấu bằng nhựa in hình chữ “ĐÃ THU TIỀN” do không còn giá trị sử dụng.

- + Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Nn hiệu Samsung Galaxy A03s và 01 micro màu vàng (do bị cáo dùng tiền do phạm tội mà có để mua); 01 điện thoại di động Nn hiệu Nokia 7.2 (do bị cáo dùng vào việc phạm tội).

- + Tiếp tục tạm giữ số tiền 172.000 đồng để bảo đảm cho việc thi hành án.

- + Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate biển kiểm soát 54N2 – 4106 là phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng do chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tiếp tục xác minh, thông báo truy tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì sẽ xem xét, giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật dân sự mà không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- + Đối với 06 giấy nộp tiền đã qua sử dụng, 03 cặp giấy nộp tiền chưa qua sử dụng được lưu theo hồ sơ vụ án.

[11] Đối với anh Nguyễn Văn P, do không biết bị cáo dùng tài khoản ngân hàng của mình để nhận tiền do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với việc bị cáo viết giấy nộp tiền liên 2 của ngân hàng N có nội dung: “ngày 07/10/2021, chi nhánh C, khách hàng nộp tiền: Nguyễn Minh C, khách hàng nhận tiền: Nguyễn Thị Q, số tài khoản 050128130540, số tiền 100.000.000 đồng.” và giấy nộp tiền liên 2 của Ngân hàng N có nội dung: “ngày 23/9/2021,

chi nhánh Q, khách hàng nộp tiền: Lê Quang N, khách hàng nhận tiền: Nguyễn Lương B, số tài khoản 6351000261675, số tiền 10.000.000 đồng.” quá trình điều tra xác định bị cáo chưa sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[12]Về án phí hình sự: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền là 39.100.000 đồng nên bị cáo phải nộp 1.955.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (39.100.000 đồng x 5%).

[13]Xét quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 48, Điều 47 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 3 Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Lê Quang N 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/10/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Quang N phải bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền là 39.100.000 đồng, trong đó: bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H là 6.200.000 đồng; bồi thường cho chị Cao Thị Như T là 5.500.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị T là 3.200.000 đồng; bồi thường cho bà Phan Thị X là 9.000.000 đồng; bồi thường cho ông Phạm H là 3.200.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Thanh B là 8.000.000 đồng; bồi thường cho bà Châu Thị T là 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng vụ án:

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả lại 01 ví da màu đen, 01 thẻ ATM ngân hàng N số 9704050963190397, 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP A số 9704162460960436 và 01 căn cước công dân đều mang tên Lê Quang N do không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Tịch thu, tiêu huỷ 01 bút bi Nn hiệu TL 079, mực xanh; 01 con dấu bằng nhựa in hình chữ “ĐÃ THU TIỀN”, do không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Nn hiệu Samsung Galaxy A03s; 01 micro màu vàng (do bị cáo dùng tiền do phạm tội mà có để mua) và 01 điện thoại di động Nn hiệu Nokia 7.2 do bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 172.000 đồng để bảo đảm cho việc thi hành án.

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate biển kiểm soát 54N2 – 4106 là phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng do chưa xác định được nguồn gốc, chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp nên giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ tiếp tục xác minh, thông báo truy tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì sẽ xem xét, giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật dân sự mà không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ngày 08/02/2022)

3. Về án phí hình sự: Bị cáo Lê Quang N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.955.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án (liên quan đến quyền lợi và lợi ích của mình) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
 - Sở Tư pháp tỉnh Đ;
 - VKSND huyện Đắk Mil (02);
 - Chi cục THADS huyện Đ;
 - Công an huyện Đắk Mil
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
Đội THAHS);
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
 - Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng